

TRẦN THỊ THU THỦY

HƯỚNG DẪN HỌC

ADOBE

® PHOTOSHOP®

CS3

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

ADOBE PHOTOSHOP CS3
USER GUIDE



CHƯƠNG I

LÀM QUEN VỚI PHOTOSHOP

BÀI 1. TỔNG QUAN VỀ ADOBE PHOTOSHOP CS3

1. Giới thiệu Adobe Photoshop CS3

Hẳn bạn sẽ không xa lạ gì với phần mềm Photoshop. Phiên bản CS3 là tiếp nối của phiên bản Photoshop CS2. Với nhiều công cụ được xem là khá nổi bật, hỗ trợ nhiều nhất trong việc xử lý ảnh số sao cho hoàn hảo và chất lượng tốt nhất. Nếu bạn là người thích khám phá phiên bản mới thì Photoshop CS3 cũng rất đáng để cho bạn sử dụng.

CS3 sẽ cho bạn một số công cụ mới, chẳng hạn:

- + Thông qua Filter ----> Convert for Smart Filters, bạn có thể sử dụng các Smart Object trên các layer một cách thuận tiện và nhanh chóng. Hơn nữa, việc thiết lập các smart filter sẽ cho bạn một hiệu ứng đẹp trên hình ảnh được xử lý.
- + Với công cụ Quick Selection. Bạn sẽ chọn nhanh một vùng ảnh để xử lý. Các hình ảnh sẽ được Photoshop CS3 phân tích tự động nên dễ dàng cho bạn tinh chỉnh thông qua phím W.
- + Tính năng "Auto-Align Layers" and "Auto-Blend Layers" hỗ trợ cho bạn tự động thao tác trên các layer một cách nhanh chóng.
- + Tính năng Black and White conversion cho bạn chuyển đổi qua lại nhanh chóng và đơn giản thông qua thiết lập, phân tích trước khi thực hiện.

2. Những khái niệm cơ bản trong Photoshop

- + Điểm ảnh (pixel – px):

Là những phần tử hình vuông cấu tạo nên file ảnh. Nói cách khác một file ảnh là tập hợp của nhiều điểm ảnh, số lượng và độ lớn của các điểm ảnh trong file ảnh phụ thuộc vào độ phân giải của file đó.

- + Độ phân giải (Resolution–pixel/inch,dpi):

Là số lượng điểm ảnh trên 1 đơn vị dài (thường dùng inch). VD: độ phân giải của ảnh bằng 80 (nghĩa là 80 điểm ảnh trên 1 inch dài) Có thể nói nếu độ phân giải thấp thì số lượng điểm ảnh ít, diện tích của px lớn, hình ảnh sẽ không được rõ nét.

+ Vùng chọn (selection):

Là vùng ảnh được giới hạn bằng đường biên và nét đứt được dùng để khoanh vùng xử lý riêng. Mọi thao tác xử lý hình ảnh chỉ có tác dụng bên trong vùng chọn.

+ Layer: Là lớp ảnh, trong 1 layer chứa các vùng có điểm ảnh hoặc không có điểm ảnh. Vùng không có điểm ảnh được gọi là vùng trong suốt (Transparent).

+ Màu tiền cảnh (Foreground Color), màu hậu cảnh (Background Color):

Là 2 hộp màu cơ bản trong Photoshop, nó nằm trên thanh công cụ. Chúng ta có thể hiểu một cách chung chung:

- Màu tiền cảnh là màu sẽ tô vào ảnh.
- Màu hậu cảnh là màu nền giấy.

3. Thủ thuật nhỏ nhỏ khi sử dụng Photoshop

Photoshop cung cấp cho chúng ta tính năng Plug-in, nghĩa là b□□ có thể đưa thêm lệnh vào filter hoặc vào menu bằng cách cài đặt thêm phần mềm.

Ví dụ: Cài đặt thêm phần mềm Adobe Photoshop Plugin – Filters Unlimited 2.0 Full.

Từ đĩa CD bạn click chuột trái ----> setup ----> giao diện Welcome to the Filters xuất hiện.



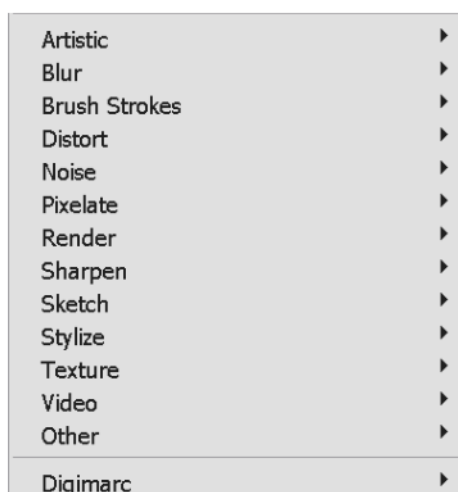
---> Next ---> Trình cài đặt yêu cầu xác nhận bản quyền ---> chọn I Accept the agreement ---> Next. Hộp thoại yêu cầu chọn đường dẫn hoặc để nguyên mặc định. Đương nhiên chúng ta phải chọn vì nếu để nguyên mặc định thì hỏng hết. Mục đích của chúng ta là cài phần mềm này vào trong ruột của Adobe Photoshop. Vậy chúng ta phải làm sao? Phải chủ động chọn đường dẫn!

C:\Program Files\Adobe\Adobe Photoshop CS3\Plug-Ins\Filters

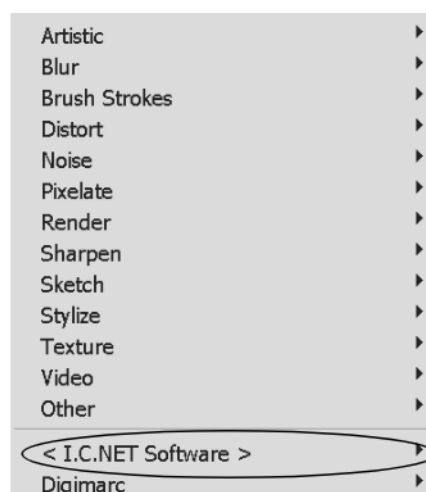


---> Next để tiến hành cài đặt ---> Finish để kết thúc.

Bây giờ bạn khởi động Adobe Photoshop rồi click chọn Filter.



Trước khi cài đặt



Sau khi cài đặt

4. Cài đặt, khởi động Photoshop và mở một file

a) Cài đặt:

– Cấu hình phần cứng đề nghị:

+ CPU: Pentium 4

+ Windows XP with Service Pack 2, 3 or Windows Vista™ Home Premium, Business, Ultimate, or Enterprise, ...

+ RAM: 512MB

+ Ổ đĩa cứng : 80GB

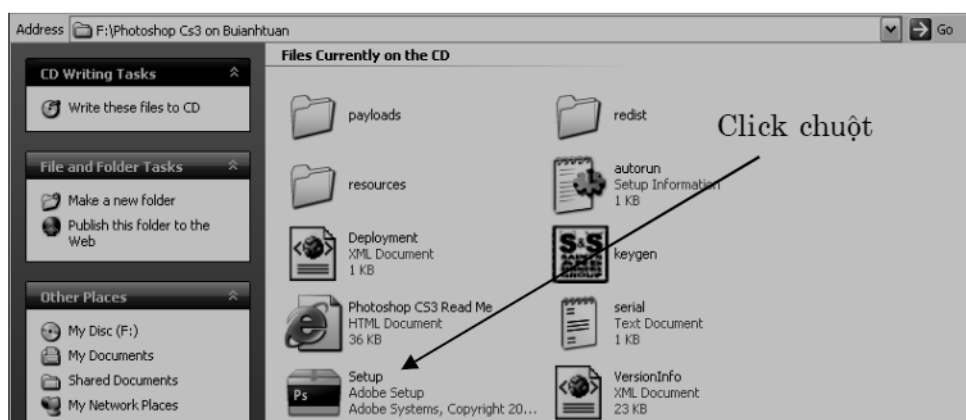
+ Card màn hình: 256MB

+ CD-ROM (hoặc DVD-ROM)

– Install your software (cài đặt):

+ Trước hết bạn hãy đóng tất cả các ứng dụng hiện thời đang chạy trên hệ thống. Bao gồm những ứng dụng Adobe khác, những ứng dụng Microsoft Office, ...

+ Chèn đĩa cài đặt vào ổ CD hay DVD và chọn biểu tượng Setup:



+ Đi theo những chỉ dẫn trên màn hình, chỉ ngồi chơi xơi nước một lát và sau đó Photoshop sẽ sẵn sàng phục vụ bạn.

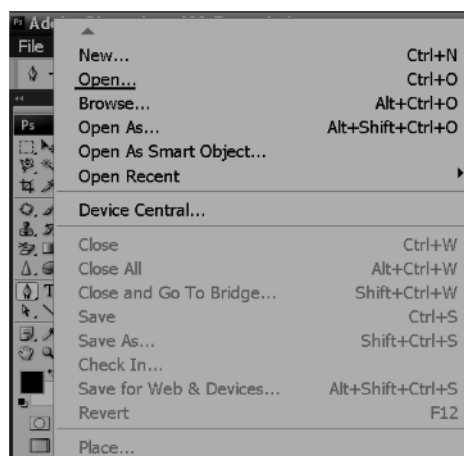
b) Khởi động Photoshop:

– Start ----> All Programs ----> Adobe Photoshop

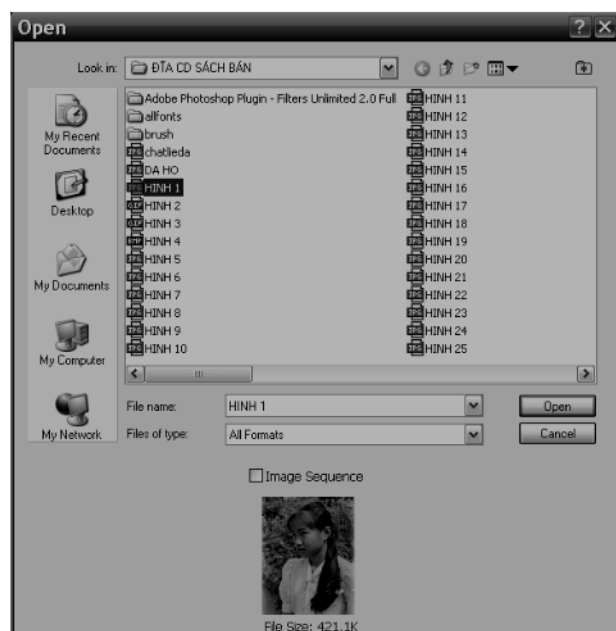
(Hoặc click vào biểu tượng  trên Desktop)

c) Mở một file hình:

+ Chọn File ----> Open (hoặc Ctrl + O)



+ Một hộp thoại xuất hiện và bạn tìm Hình 1 trong CD (thí dụ), ngay lập tức Hình 1 hiện ra trong cửa sổ riêng, và cửa sổ này được gọi là "cửa sổ hình ảnh".



+ Việc chúng ta cần làm là click vào file rồi chọn Open.

BÀI 2. PHÍM TẮT TRONG PHOTOSHOP CS3

Photoshop CS3 là phần mềm chuyên thiết kế, chỉnh sửa ảnh vì vậy khi làm việc với đối tượng chúng ta thường sử dụng chuột. Điều này sẽ làm giảm hiệu suất làm việc. Sẽ là hiệu quả hơn nếu chúng ta biết kết hợp bàn phím với chuột. Tuy nhiên phần mềm nào cũng vậy, việc nhớ được hệ thống các phím tắt đều rất vất vả. Vậy ngoài những phím tắt mặc định, bạn có thể thiết đặt lấy một vài lệnh thường dùng để dễ nhớ, dễ làm việc.

+ **Hệ thống phím tắt mặc định của một số công cụ:**

Result	Windows	Mac OS
Move tool	V	V
Rectangular Marquee Tool Elliptical Marquee Tool	M	M
Lasso Tool Polygonal Lasso Tool Magnetic Lasso tool	L	L

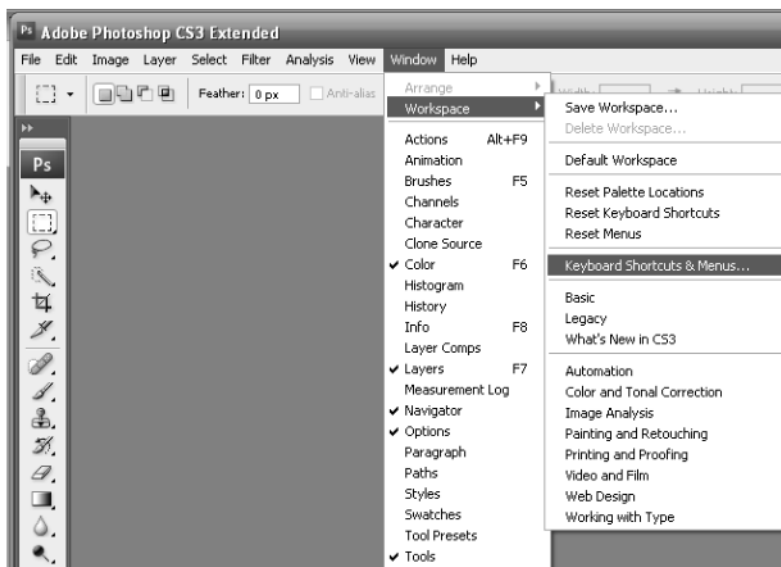
Result	Windows	Mac OS
Magic Wand Tool Quick Selection Tool	W	W
Crop Tool	C	C
Slice Tool Slice Select Tool	K	K
Spot Healing Brush Tool Healing Brush Tool Patch Tool Red Eye Tool	J	J
Brush Tool Pencil Tool Color Replacement Tool	B	B
Clone Stamp Tool Pattern Stamp Tool	S	S
History Brush Tool Art History Brush Tool	Y	Y
Eraser Tool Background Eraser Tool Magic Eraser Tool	E	E
Gradient Tool Paint Bucket Tool	G	G
Blur Tool Sharpen Tool Smudge Tool	R	R

Result	Windows	Mac OS
Dodge Tool Burn Tool Sponge Tool	O	O
Pen Tool Freeform Pen Tool	P	P
Horizontal Type Tool Vertical Type Tool Horizontal Type Mask Tool Vertical Type Mask Tool	T	T
Path Selection Tool Direct Selection Tool	A	A
Rectangle Tool Rounded Rectangle Tool Ellipse Tool Polygon Tool Line Tool Custom Shape Tool	U	U
Notes Tool Audio Annotation Tool	N	N
Eyedropper Tool Color Sampler Tool Measure Tool Count Tool	I	I
Hand Tool	H	H

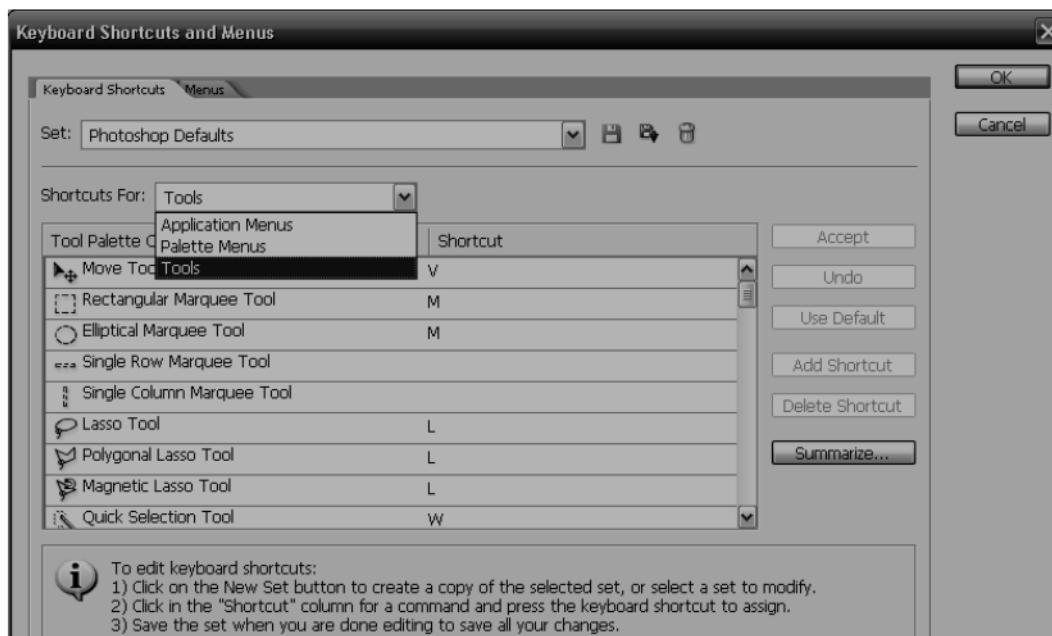
Result	Windows	Mac OS
Zoom Tool	Z	Z

+ **Tự thiết đặt phím tắt:**

Click chọn Window ----> Workspace ----> Keyboard Shortcuts



Hộp thoại xuất hiện:



Tại mục Shortcuts For: bạn click chọn nhóm phím tắt, ở đây tôi chọn

